

Thị trường khép lại tuần giao dịch tích cực

Phiên hôm nay các chỉ số và nhiều cổ phiếu có thêm phiên tăng điểm nhẹ và diễn biến khá tương đồng các phiên giao dịch gần đây với đà tăng yếu, mức độ lan tỏa và thanh khoản thấp khi dòng tiền chỉ tập trung ở một số cơ hội nổi bật. Các thị trường chứng khoán quốc tế diễn biến tích cực đặc biệt là các thị trường cận biên và mới nổi đang có xu hướng bước vào nhịp hồi phục kéo dài. VNIndex dao động trong biên độ hẹp và chốt phiên ở 908.88 điểm tăng 0.09 điểm; VN30 đóng cửa ở 867.70 tăng 2.18 điểm với thanh khoản toàn thị trường khi loại bỏ giao dịch thỏa thuận đạt hơn 2.300 tỷ tương đương các phiên giao dịch gần đây.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn vẫn diễn biến trái chiều với đà tăng đến từ VJC; VCB; BVH; VNM; PLX; VIC; MSN; SSI; PNJ...trong khi ở chiều giảm VHM; BID; CTG; GAS; VPB; HPG...tạo ra áp lực khiến điểm số chỉ tăng nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng vẫn biến động với sự phân hóa cao khi VCB; STB tăng nhẹ trong khi ACB; HDB; TCB; LPB; SHB đóng cửa ở tham chiếu và ở chiều giảm là BID -1.4%; CTG -1.2%; VPB; EIB; MBB; TPB giảm nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán có sự phân hóa với SSI hồi phục tốt +2.5%; VND; SHS tăng nhẹ trong khi HCM; FTS giảm nhẹ; VCI -1.5%; MBS -1.3%. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí diễn biến trái chiều với chiều tăng là PLX +1.1%; BSR +1.7%; OIL; PVC tăng nhẹ trong khi GAS; PVD; PVB; PXS giảm nhẹ. Nhìn chung, số lượng cổ phiếu tăng giá vẫn thấp hơn số lượng cổ phiếu giảm giá và dòng tiền vẫn tập trung chỉ ở một số cổ phiếu tạo ra sự nổi trội như VJC +3.8%; SSI +2.5%; NT2 +2.5%; HSG +3.1%; FCN +4.8%; SJS +3.3%; VCG +2.5%; DGC +2.4%...

Khối nhà đầu tư ngoại tiếp tục giao dịch sôi động trong phiên hôm nay và khối này bán ròng nhẹ gần 30 tỷ trên sàn HOSE. Áp lực bán tập trung vào các cổ phiếu DHG; CTD; HPG; GAS; MSN; VRE...và ở chiều ngược lại khối này mua ròng STB +3.6 triệu cổ phiếu; VCB; CTG; VNM; NT2; SSI; VJC.

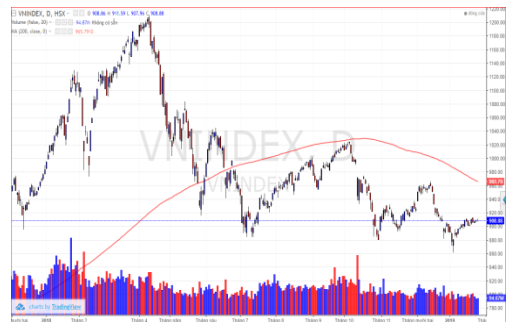
Diễn biến phiên giao dịch hôm nay chưa cho thấy có sự khác biệt đáng kể với các phiên giao dịch trước đó khi điểm số vẫn tăng nhẹ, thanh khoản thấp và dòng tiền chỉ tập trung vào một số cổ phiếu. Tâm lý thị trường vẫn tích cực nhờ xu hướng hồi phục của các thị trường chứng khoán quốc tế đặc biệt là các thị trường cận biên và mới nổi, giá dầu hồi phục trong khi tỷ giá và lãi suất qua đêm hạ nhiệt. Dòng vốn nội có tâm lý nghỉ ngơi sau một năm biến động tiêu cực trong khi dòng vốn ngoại hoạt động sôi động trong các phiên gần đây. Nhìn chung, xu hướng hồi phục của thị trường Việt nam vẫn đang tích cực với cơ hội chỉ ở một số cổ phiếu riêng biệt khi dòng tiền chưa đủ mạnh. VN30 các phiên giao dịch gần đây luôn tăng tốt hơn VNIndex là điều khá tích cực khi xu hướng của dòng tiền đang tập trung ở các cổ phiếu đầu ngành hay nói cách khác dòng tiền lớn đang mua vào tích cực. Tuy nhiên, để bứt phá qua vùng kháng cự 920-930 điểm của VNIndex thị trường cần thêm nhiều dòng tiền mới nhập cuộc bởi với lực cầu như hiện tại sẽ rất khó để vượt qua vùng kháng cự này. Chúng tôi hi vọng sự lan tỏa sẽ tích cực hơn trong tuần giao dịch tới và nhiều khả năng VNIndex sẽ tiếp cận vùng kháng cự 920-930 điểm của VNIndex.

Thông kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	908.9	102.7
% Thay đổi	0.01	-0.04
Khối lượng	117.6	19.5
Giá trị (tỷ đồng)	2,671.5	231.9
Số mã tăng	133	62
Số mã giảm	153	70
Không thay đổi	89	244

Hàng hóa & Tiền tệ	Đóng cửa	Thay đổi (%)
Gold(USD/Oz)	1,282	0.19
WTI Oil (\$/B) 1Mth	53	0.49
Brent Oil (\$/B) 1Mth	61	0.20
USDVND	23,197	0.00
EURVND	26,245	0.20

Nguồn: Bloomberg

VNINDEX



HNX-INDEX



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng (%)	Thay đổi (%)	P/E (lần)	P/B (lần)
Tiêu dùng thiết yếu	2.95	0.01%	15.82	3.47
Thực phẩm và đồ uống	19.15	0.16%	27.37	7.32
Năng lượng	2.79	0.92%	21.91	2.81
Tài chính	25.93	-0.01%	15.13	2.25
Y tế	0.94	0.51%	16.79	2.68
Công nghiệp	7.50	1.03%	15.13	3.31
Công nghệ thông tin	0.98	-0.17%	9.11	2.11
Vật liệu và hóa chất	4.05	-0.48%	10.53	1.41
Bất động sản	26.71	-0.30%	51.67	3.98
Dịch vụ tiện ích	7.23	-0.12%	13.80	3.32

Thị trường	Đóng cửa	Thay đổi (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	Vốn hóa (Tỷ USD)
China	3,184.5	0.81%	11.89	1.54	3,770.1
India	10,780.6	-0.64%	22.21	2.92	1,103.3
Indonesia	6,482.8	0.25%	20.80	2.39	522.4
Laos	818.8	0.32%	4.86	0.30	1.1
Malaysia	1,701.0	0.44%	19.25	1.76	260.2
Philippines	8,053.2	-0.15%	20.44	2.15	191.8
Taiwan	9,969.6	0.94%	12.93	1.50	957.3
Thailand	1,623.6	0.19%	14.93	1.90	521.6
Vietnam	908.9	0.01%	15.60	2.41	128.3

Nguồn: Bloomberg

HOSE

TOP kéo VNINDEX tăng

CP	Giá	+/- (VND)	%thay	KL	Đóng góp
VJC	122,500	4,500	3.8	778,640	0.744
VCB	55,800	400	0.7	1.01MLN	0.439
BVH	91,900	1,600	1.8	21,490	0.342
PLX	53,800	600	1.1	169,160	0.237
VNM	135,900	400	0.3	813,810	0.213

TOP kéo VNINDEX giảm

CP	Giá	+/- (VND)	%thay	KL	Đóng góp
VHM	78,000	-800	-1.0	226,260	-0.818
BID	32,050	-450	-1.4	570,980	-0.470
CTG	20,200	-250	-1.2	5.98MLN	-0.284
GAS	89,500	-300	-0.3	325,280	-0.175
VPB	20,050	-150	-0.7	1.35MLN	-0.113

HNX

TOP kéo chỉ số HNX tăng

CP	Giá	+/- (VND)	%thay	KL	Đóng góp
DGC	42,600	1,000	2.4	54,000	0.044
VCG	24,700	600	2.5	2.52MLN	0.040
DBC	27,300	500	1.9	28,800	0.027
PVX	1,000	100	11.1	295,200	0.020
CDN	16,900	1,000	6.3	1,100	0.015

TOP kéo chỉ số HNX giảm

CP	Giá	+/- (VND)	%thay	KL	Đóng góp
NVB	8,200	-100	-1.2	125,100	-0.029
VNR	20,600	-1,900	-8.4	6,200	-0.025
VGC	19,200	-100	-0.5	1.17MLN	-0.021
HUT	3,600	-100	-2.7	616,800	-0.020
SLS	43,700	-3,300	-7.0	9,500	-0.020

Nguồn: Bloomberg

TIN DOANH NGHIỆP

ACB - Báo lãi kỷ lục gần 6.400 tỷ đồng, gấp 2,4 lần năm 2017 - Ngân hàng TMCP Á Châu (HNX: ACB) vừa công bố kết quả kinh doanh cả năm 2018 với lợi nhuận cao gấp 2,4 lần năm trước, đạt gần 6.400 tỷ đồng, vượt qua kỷ lục 4.022 tỷ đồng năm 2011. Động lực chính cho tăng trưởng của ACB đến từ thu nhập hoạt động khác cao gấp đôi, lên 1.815 tỷ đồng. Nguồn thu này một phần đến từ hoạt động thu hồi các khoản nợ đã được xử lý và đóng góp mức thu nhập lớn thứ hai, chỉ sau thu nhập lãi thuần. Cùng với đó, chi phí dự phòng cũng giảm gần 75% trong quý IV và giảm 64% trong cả năm. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế của ACB đạt 6.389 tỷ đồng, vượt 12% so với mức kế hoạch tham vọng (cao kỷ lục) 5.699 tỷ đồng.

PVT - Báo lãi năm 2018 tăng 44% đạt 771 tỷ đồng - Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans –HoSE: PVT) vừa công bố báo cáo tài chính quý IV với doanh thu thuần tăng 13% lên mức 1.923 tỷ đồng. Giá vốn cũng tăng mạnh khiến lợi nhuận gộp chỉ còn tăng 9% đạt 386 tỷ đồng, tương ứng lãi sau thuế 267 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ 2017. Tính chung năm 2018, PVT ghi nhận doanh thu tăng 23% lên 7.534 tỷ đồng. Từ đó, công ty báo lãi sau thuế 771 tỷ, cao hơn 44% so với năm 2017. EPS đạt mức 2.288 đồng. Trong năm 2018, PVTrans đặt kế hoạch kinh doanh với chỉ tiêu doanh thu 5.250 tỷ và lợi nhuận sau thuế 357 tỷ đồng. Như vậy, công ty đều vượt xa kế hoạch đã đề ra.

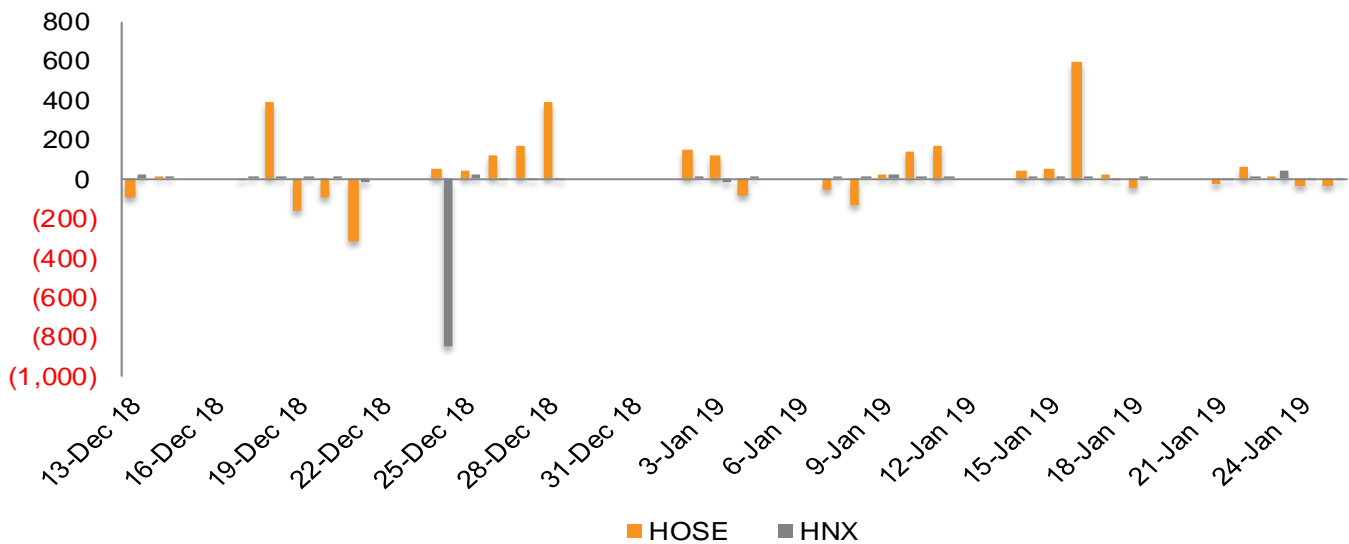
NT2 - Báo lãi 781 tỷ đồng trong năm 2018 - CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) công bố báo cáo tài chính quý 4/2018 với doanh thu thuần đạt 2.019 tỷ đồng, giảm nhẹ so với con số 2.074 tỷ đồng đạt được quý 4/2017, lợi nhuận sau thuế thu về 253,3 tỷ đồng, giảm 20,7% so với lợi nhuận đạt được quý 4/2017. Lũy kế cả năm 2018 doanh thu thuần đạt 7.670 tỷ đồng, tăng trưởng 13,4% so với năm 2017 và vượt 10% kế hoạch cả năm, Lợi nhuận sau thuế 782,1 tỷ đồng, giảm sút 3,5% so với lợi nhuận đạt được năm 2017 nhưng vẫn vượt 4,4% chỉ tiêu lợi nhuận được giao cho cả năm.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	12.3	0.3	MUA	459.6	5.0
% of market	10.7%	1.7%	% of market	18.5%	2.2%
BÁN	8.8	0.5	BÁN	495.5	6.2
% of market	7.7%	2.3%	% of market	20.0%	2.7%
MUA (BÁN) RÒNG	3.49	(0.1)	MUA (BÁN) RÒNG	(35.9)	(1.2)

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	4,625.8	420.3	MUA	260,245.0	7,651.2
% of market	9.4%	3.2%	% of market	19.5%	4.6%
BÁN	4,267.8	516.2	BÁN	219,041.2	9,527.6
% of market	8.7%	4.0%	% of market	16.4%	5.7%
MUA (BÁN) RÒNG	358.0	(95.9)	MUA (BÁN) RÒNG	41,204	(1,876.3)

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VNM	135,900	400	0.30	101.4	0.213
MSN	78,300	300	0.38	56.6	0.107
STB	12,300	100	0.82	46.0	0.058
VIC	102,900	100	0.10	41.9	0.097
VCB	55,800	400	0.72	31.8	0.439

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
VNM	135,900	400	0.30	88.0	0.213	
DHG	84,900	900	1.07	85.1	0.036	
MSN	78,300	300	0.38	77.2	0.107	
VIC	102,900	100	0.10	39.2	0.097	
HPG	29,700	-150	-0.50	29.8	-0.097	

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
STB	12,300	100	0.82	44.0	0.058	
VCB	55,800	400	0.72	31.5	0.439	
CTG	20,200	-250	-1.22	19.2	-0.284	
VNM	135,900	400	0.30	13.4	0.213	
NT2	29,050	700	2.47	10.3	0.062	

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất (giá trị)						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
DHG	84,900	900	1.07	-85.1	0.036	
CTD	131,500	0	0.00	-25.4	0.000	
MSN	78,300	300	0.38	-20.6	0.107	
HPG	29,700	-150	-0.50	-20.0	-0.097	
GAS	89,500	-300	-0.33	-14.1	-0.175	

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
PVS	18,200	900	0.00	4.2	0.000
BVS	12,100	-200	-1.63	0.2	0.000
SEB	31,800	0	0.00	0.1	0.000
PTI	16,000	-200	-1.23	0.1	0.000
WCS	129,000	-3,000	-2.27	0.1	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
NDN	11,500	100	0.88	2.4	0.000	
VCG	24,700	600	2.49	1.1	0.000	
PVS	18,200	0	0.00	0.6	0.000	
VHL	25,000	-500	-1.96	0.4	0.000	
INN	29,400	-100	-0.34	0.3	0.000	

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
PVS	18,200	0	0.00	3.5	0.000	
WCS	129,000	-3,000	-2.27	0.1	0.000	
SHS	10,500	100	0.96	0.1	0.000	
TKU	9,000	-500	-5.26	0.0	0.000	
APS	3,100	0	0.00	0.0	0.000	

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất (giá trị)						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
NDN	11,500	100	0.88	-2.42	0.000	
VCG	24,700	600	2.49	-1.11	0.000	
VHL	25,000	-500	-1.96	-0.36	0.000	
INN	29,400	-100	-0.34	-0.33	0.000	
PLC	16,100	100	0.63	-0.16	0.000	

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGDQB 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	102,900	1.0	6.3	-1.4	328,418	3,192	57.6	31.8	456,106	75.3	6.0	10.3	1.7
2 VHM	78,000	6.1	13.9	-8.5	261,262	3,350	30.3	33.5	303,635	41.5	2.8	N/A	N/A
3 VNM	135,900	9.1	13.3	-4.0	236,657	1,741	46.2	40.5	664,607	27.2	9.3	35.2	29.5
4 VCB	55,800	5.9	1.8	0.9	206,955	3,709	25.2	7.0	996,594	13.7	3.1	25.2	1.4
5 GAS	89,500	4.3	-12.1	6.9	171,299	1,914	4.2	45.5	448,631	14.4	3.7	27.8	19.4
6 SAB	233,000	-5.6	5.0	12.6	149,419	641	10.4	90.2	38,783	33.8	9.0	28.5	20.3
7 BID	32,050	-2.1	2.7	35.8	109,570	3,419	4.4	26.9	1,143,521	13.3	2.2	17.4	0.7
8 TCB	26,650	0.9	2.1	-0.4	93,184	3,497	81.6	0.0	2,001,873	10.7	1.8	21.5	2.9
9 MSN	78,300	-2.1	1.0	-3.3	91,075	1,163	30.6	8.5	493,966	14.5	4.7	30.9	8.7
10 CTG	20,200	2.5	-12.2	-11.4	75,213	3,723	15.8	0.6	5,299,499	9.8	1.1	11.7	0.7
11 VRE	29,200	-2.0	0.5	-12.8	68,001	2,329	100.0	17.3	1,239,225	45.2	2.6	5.7	5.6
12 VJC	122,500	0.5	-2.8	-9.9	66,347	542	53.2	7.2	498,908	12.9	6.3	67.1	19.7
13 BVH	91,900	-0.1	-1.1	22.5	64,411	701	31.2	24.2	66,279	53.2	4.4	8.4	1.3
14 HPG	29,700	-2.3	-23.8	-16.3	63,080	2,124	53.5	10.2	4,096,391	6.9	1.6	26.7	15.5
15 PLX	53,800	-2.7	-6.1	-5.4	62,344	1,159	6.3	9.2	393,964	16.4	3.2	19.5	6.2
16 NVL	57,000	-12.6	-23.5	-1.2	53,035	930	32.4	31.7	479,601	24.1	3.0	14.2	3.8
17 VPB	20,050	2.3	-7.2	-23.8	49,258	2,457	69.0	0.0	2,210,869	6.6	1.4	22.8	2.4
18 MBB	21,150	7.4	0.7	-3.9	45,694	2,160	56.1	0.0	5,529,798	7.5	1.4	20.1	1.8
19 MWG	83,200	-2.6	-1.8	0.4	36,868	443	87.6	0.0	522,234	12.8	4.4	41.2	13.1
20 POW	15,400	N/A	N/A	N/A	36,065	2,342	90.0	34.1	N/A	15.0	1.3	9.1	3.4
21 HDB	29,950	4.2	-12.7	-10.6	29,381	981	72.6	3.1	1,360,121	15.2	2.1	14.9	1.0
22 FPT	42,400	2.2	3.3	0.0	26,015	614	81.8	0.0	443,415	8.0	2.2	28.9	11.3
23 STB	12,300	2.9	-2.0	9.8	22,185	1,804	94.0	10.7	3,705,318	12.4	0.9	7.5	0.5
24 EIB	16,000	15.1	16.4	13.5	19,671	1,229	79.0	0.0	421,548	14.5	1.3	9.4	0.9
25 ROS	34,600	-17.6	-7.7	-19.5	19,639	568	27.0	46.9	3,314,089	26.8	3.4	13.6	7.3
26 BHN	80,400	-2.4	-3.1	-2.2	18,637	232	0.9	31.4	404	29.0	4.9	17.3	6.7
27 TPB	21,150	9.6	10.6	2.6	17,990	851	70.6	0.0	271,381	9.6	1.7	21.2	1.4
28 PNJ	92,000	-1.8	-3.1	0.0	15,364	167	69.4	0.0	211,869	15.7	4.1	28.7	17.8
29 SSI	26,200	-2.4	-6.4	-1.1	13,340	509	64.3	41.9	1,409,207	9.6	1.4	15.8	7.1
30 HNG	14,400	-10.3	-4.0	-12.2	12,771	887	42.0	55.8	760,640	N/A	1.2	-7.3	-2.5
31 KDH	30,000	-4.6	-1.6	4.7	12,421	414	75.1	1.4	383,390	21.4	1.9	10.5	5.8
32 DHG	84,900	9.4	-0.4	-14.2	11,100	131	22.1	51.3	100,908	19.1	3.5	19.8	15.8
33 SBT	20,100	3.4	3.4	31.5	10,555	525	30.2	88.9	1,431,127	24.5	1.7	11.3	4.3
34 REE	32,900	7.5	2.8	-2.1	10,201	310	84.4	0.0	249,146	6.5	1.2	19.1	11.0
35 CTD	131,500	-16.6	-8.7	-10.8	9,925	75	86.3	1.6	249,996	7.2	1.3	18.8	9.2
36 VHC	96,300	6.2	-0.2	35.6	8,898	92	37.7	63.5	231,928	7.2	2.3	37.4	22.7
37 GEX	21,850	-7.0	-12.2	-20.3	8,883	407	68.5	36.7	1,548,635	8.7	1.6	22.3	6.9
38 DPM	21,900	-3.7	25.1	21.0	8,570	391	38.1	26.6	513,819	14.7	1.1	8.1	5.9
39 NT2	29,050	15.3	19.3	10.9	8,363	288	32.1	26.9	196,483	11.1	2.3	17.6	8.3
40 DXG	23,100	-1.5	-9.1	-4.1	8,081	350	66.8	0.6	1,325,927	6.8	1.6	26.7	9.8
41 GMD	26,400	0.4	5.2	10.0	7,839	297	60.8	0.0	386,140	4.2	1.4	30.8	18.1
42 YEG	236,000	9.9	-14.9	-6.1	7,382	31	93.2	54.8	8,046	95.4	18.4	29.0	11.6
43 SCS	143,000	2.9	1.4	N/A	7,148	50	99.1	33.2	8,971	17.2	8.5	40.8	35.2
44 PPC	21,750	22.5	26.5	20.8	6,973	321	24.7	34.6	263,760	6.0	1.2	20.7	15.9
45 LGC	35,300	0.0	28.1	30.7	6,808	193	N/A	4.0	2	35.8	2.6	7.5	2.0
46 PDR	25,050	-2.1	-6.7	-0.4	6,673	266	37.8	43.2	617,002	10.6	1.9	20.5	6.1
47 VPI	41,300	-1.7	-2.2	-1.2	6,608	160	100.0	39.4	186,055	9.6	3.6	38.8	13.1
48 KBC	14,050	1.8	18.1	17.1	6,600	470	75.4	29.3	3,046,787	12.4	0.8	6.2	3.3
49 TCH	18,100	2.3	-12.6	-25.1	6,394	353	50.0	44.9	812,329	19.0	1.5	7.8	6.7
50 NLG	26,200	4.8	-9.8	-13.1	6,265	239	60.6	0.0	253,383	7.0	1.3	19.2	8.7
51 VCI	38,200	-14.2	-27.5	-28.2	6,227	163	66.1	58.9	106,087	7.6	1.7	24.7	12.7
52 PAN	45,000	0.2	-8.2	-16.7	6,120	136	47.3	3.8	44,808	26.5	1.7	6.4	2.7
53 PVD	15,800	11.7	-2.5	17.0	6,049	383	49.4	29.8	1,944,949	102.7	0.5	0.6	0.4
54 HCM	45,500	-2.9	-15.7	-9.2	5,895	130	66.7	39.1	177,616	8.7	1.9	23.1	11.3
55 HT1	14,950	12.0	24.6	21.5	5,704	382	20.0	43.2	198,698	8.8	1.1	12.5	5.9
56 CII	22,900	-10.0	-3.0	-13.6	5,673	248	83.4	15.0	807,456	68.6	1.1	1.6	0.4
57 HPX	26,450	1.3	28.2	22.9	5,290	200	100.0	33.8	416,268	8.8	2.5	20.0	5.7
58 PHR	35,600	11.9	26.2	78.0	4,824	135	33.1	41.0	342,446	9.8	1.8	18.5	10.5
59 DCM	9,100	-13.3	-4.0	-11.2	4,818	529	24.4	45.2	620,383	9.1	0.8	8.6	5.1
60 PVT	16,850	9.4	0.0	4.0	4,742	281	42.8	15.8	330,621	7.4	1.2	16.7	6.6

Nguồn: Bloomberg 25/01/19

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Trung Tâm Tư Vấn Đầu Tư VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Trung Tâm Tư Vấn Đầu Tư – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT TRUNG TÂM TƯ VẤN ĐẦU TƯ**Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : trungtamtuvandautu@vndirect.com.vnWebsite: <http://vndirect.com.vn>